TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST Ngày 18-11-2019 V/v: "ly hôn giữa anh C và chị H"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Thường.
2. Ông Trần Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1974.

Nơi ĐKHKTT (Nơi ở hiện nay): Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Chử Thị H, sinh năm 1977.

Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 03, trại giam Ninh Khánh; địa chỉ: Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Nình Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt anh C. Vắng mặt chị H (Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chử Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 14-11-1995. Anh và chị H tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và

chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh đi làm ăn xa, chị H ở nhà có quan hệ nam nữ bất chính với nhiều người đàn ông khác, không chăm lo cho con cái và gia đình. Vợ chồng anh tuy không đánh cãi chửi nhau nhưng chị H thường xuyên có tư tưởng chán nản cuộc sống chung cùng anh. Anh đã nhiều lần bỏ qua vì nghĩ cho các con cần có đầy đủ bố mẹ và hạnh phúc gia đình. Nhưng đến năm 2008, sau khi anh đi chấp hành án trở về địa phương thì chị H vẫn đua đòi chơi bời bạn bè, anh đã khuyên chị H thay đổi về với gia đình nhưng không được. Kể từ ngày 03-4-2017, anh và chị H sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau. Hiện nay chị H đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình, hàng tháng anh vẫn đến thăm nom chị nhưng chỉ để động viên chị H cải tạo tốt mà không có ý định hàn gắn gia đình. Nay anh xác định mâu thuẫn của vợ, chồng anh đã kéo dài và trầm trọng, anh cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với chị H. Do đó anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ, chồng anh có 04 con chung là cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 02-10-1996; cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 18-5-2002; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-5-2002; cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 05-8-2004. Hiện nay cháu C đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được, đã lập gia đình riêng và ra ở riêng nên anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Còn cháu A, cháu H và cháu T chưa thành niên, hiện các cháu đang sống với anh. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, cháu H, cháu T và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay anh đang làm tự do (Buôn bán) với mức thu nhập bình quân khoảng 3.500.000đ/tháng đến 5.000.000đ/tháng. Anh nhận thấy anh đủ các điều kiện để nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác chị H đang chấp hành án nên chưa có điều kiện nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ, chồng anh không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai, bị đơn là chị Chử Thị H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống với nhau, anh C có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác và đã có con riêng, mỗi lần đi đâu vài ngày về là anh C lại đánh đập chị. Tuy nhiên chị nghĩ cho con, không muốn gia đình tan nát nên chị không đồng ý ly hôn với anh C.

- Về con chung: Anh chị có 04 con chung đúng như lời trình bày của anh C. Ly hôn, chị chấp nhận giao cháu A, cháu H, cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung; còn cháu C đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi chấp hành án xong, nếu chị có điều kiện thì sẽ thay đổi người trực tiếp nuôi con sau.

- Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị và anh C không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh C vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Chử Thị H.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 18-5-2002; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-5-2002; cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 05-8-2004 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 02-10-1996 đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được, anh C và chị H không đề nghị nên không xem xét.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Chử Thị H hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định và đang chấp hành án tại Phân trại số 03, trại giam Ninh Khánh; địa chỉ: Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Nình Bình. Như vậy, theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án dân sự về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa anh C và chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa để xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn C và chị Chử Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân

hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng, anh C, chị H bất đồng về quan điểm sống; anh, chị đều nghi ngờ cho nhau có quan hệ nam nữ bất chính khác; từ đó dẫn đến việc vợ chồng đánh cãi chửi nhau và phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài, trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của anh C và chị H đã trái với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, giải quyết cho anh C ly hôn với chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh C và chị H có 04 con chung là cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 02-10-1996; cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 18-5-2002; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-5-2002; cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 05-8-2004. Xét thấy anh C có sức khỏe, có công việc để tạo ra thu nhập và nơi cư trú ổn định nên anh C có đầy đủ các điều kiện cần thiết để nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, chị H thừa nhận bản thân không đủ điều kiện nuôi con vì đang phải chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T, cháu H, cháu A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất cho các cháu; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C. Còn cháu C hiện đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được, anh C và chị H đều không đề nghị gì nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Chử Thị H.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 18-5-2002; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-5-2002 và cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 05-8-2004 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động tự lập được. (Cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 02-10-1996 đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên không xem xét giải quyết).

Chị Chử Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn C.

Chị Chử Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đ. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/09986 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. Như vậy anh C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Chử Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã Q;
- Lưu VP, HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trường Nam